

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỂ THAO MỸ ĐÌNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THỂ THAO MỸ ĐÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MY DINH SPORTS DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108759120

**3. Ngày thành lập:** 27/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 6, ngách 125/21 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)                            | 8230        |
| 2.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập) | 9000        |
| 3.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                   | 9311(Chính) |
| 4.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                      | 7721        |
| 5.  | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                          | 7729        |
| 6.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển     | 7730        |
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                   | 5610        |
| 8.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng           | 5621        |
| 9.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                               | 5629        |
| 10. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                            | 5630        |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                   | 4633        |
| 12. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                     | 4723        |
| 13. | Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá)                                                    | 4541        |
| 14. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                | 4542        |
| 15. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá)                | 4543        |

|     |                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa | 4610 |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                   | 4101 |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                             | 4102 |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                       | 4211 |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                        | 4212 |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                            | 4221 |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                 | 4222 |
| 23. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                  | 4223 |
| 24. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                   | 4229 |
| 25. | Xây dựng công trình thủy                                                                            | 4291 |
| 26. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                     | 4292 |
| 27. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                               | 4293 |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                          | 4299 |
| 29. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                      | 4330 |
| 30. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                 | 4390 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                             | 5225 |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                        | 5210 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 50.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN PHÚC TỰ | P1101- Nhà C6-ĐT Mỹ Đình 1, TDP số 12, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    | 034076006299                                                                                |         |
|     |              |                                                                                                      | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                        |                   |        |             |        |              |  |
|---|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | NGÔ ANH TIẾN      | Số 6 Ngách 125/21 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.000 | 100.000.000 | 20,000 | 001076016964 |  |
|   |                   |                                                                                        | Tổng số           | 10.000 | 100.000.000 | 20,000 |              |  |
| 3 | NGUYỄN THANH TÙNG | Thôn Lưu Xá, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 20.000 | 200.000.000 | 40,000 | 112005242    |  |
|   |                   |                                                                                        | Tổng số           | 20.000 | 200.000.000 | 40,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN PHÚC TỰ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/08/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034076006299

Ngày cấp: 10/07/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P1101- Nhà C6-ĐT Mỹ Đình 1, TDP số 12, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P1101- Nhà C6-ĐT Mỹ Đình 1, TDP số 12, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội